

Bản án số: 659/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

V/v “Ly hôn giữa bà M. và ông V.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyên - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 447/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2017/QĐXX-ST ngày 14/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 280/2017/QĐST-HPT ngày 30/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M., sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

HKTT: ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: đường F, xã D, Thành phố L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Lê Chí V., sinh năm 1983 (vắng mặt)

HKTT: ấp C, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: đường E, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 19/9/2016 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M. trình bày: Bà và ông V. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01/2010 ngày 14/6/2010, có 02 con chung tên Lê Thiên B1., sinh ngày 16/3/2011 và Lê Hoàng B2., sinh ngày 19/10/2014.

Quá trình chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc, đến năm 2014 khi bà đang mang thai đứa con thứ hai thì bà phát hiện ông V. ngoại tình, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng vẫn không thay đổi, thậm chí ông V. đã có con với người phụ nữ đó. Do đó từ năm 2016 bà đã sống ly thân với ông V., từ tháng 01/2017 đã dẫn hai con về gia đình bà ở Bảo Lộc để sống cho đến nay. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được bà xác định không còn tình cảm với ông V. nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Chí V..

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Lê Thiên B1., sinh ngày 16/3/2011 và Lê Hoàng B2., sinh ngày 19/10/2014 cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông Lê Chí V. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Lê Chí V. đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Trúc M. có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn ông Lê Chí V. vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn Lê Chí V. đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Trúc M. được ly hôn với ông Lê Chí V., giao con chung Lê Thiên B1., sinh ngày 16/3/2011 và Lê Hoàng B2., sinh ngày 19/10/2014 cho bà M. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà M. không yêu cầu ông V. cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: bà M. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc M. thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M. đối với bị đơn ông Lê Chí V. có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trúc M. và ông Lê Chí V. phát sinh từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M. trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 do ông V. ngoại tình, thậm chí có con với người phụ nữ đó. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2016, đến tháng 01/2017 bà đã dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lê Chí V..

Phía bị đơn ông Lê Chí V. vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông V. sống không chung thủy với vợ, khi đang có gia đình mà có quan hệ với người phụ nữ khác, thậm chí có con riêng trong thời kỳ hôn nhân – thể hiện tại hồ sơ xét nghiệm ADN ngày 21/9/2016 của Công ty TNHH di truyền số IDNA giữa Lê Chí V. và trẻ Lê Võ Hoàng T. kết luận: “Dữ liệu từ kết quả xét nghiệm ADN cho thấy không loại trừ khả năng người cha giả định chính là người cha sinh học của người con. Xác suất có mối quan hệ cha con là 99,99% khi so sánh với một người đàn ông trong cùng quần thể không được xét nghiệm và không có mối quan hệ nào”. Như vậy ông Lê Chí V. đã vi phạm chế độ hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Từ năm 2016 cho đến nay hai bên đã sống ly thân nhưng vẫn không cải thiện được mối quan hệ. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà M., ông V. hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án dù đã được triệu tập hợp lệ, chứng tỏ bị đơn không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lê Thiên B1., sinh ngày 16/3/2011 và Lê Hoàng B2., sinh ngày 19/10/2014 cho đến khi thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy: từ trước đến nay bà M. là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; bà M. hiện có việc làm và thu nhập ổn định, mặc khác trẻ B2. dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung Lê Thiên B1., sinh ngày 16/3/2011 và Lê Hoàng B2., sinh ngày 19/10/2014 cho bà Nguyễn Thị Trúc M. nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của bà M. không yêu cầu ông Lê Chí V. cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M. xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc M. là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Trúc M. và ông Lê Chí V. được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 5, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Khoản 10 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trúc M. và ông Lê Chí V..

(Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyền số 01/2010 ngày 14/6/2010 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Lê Thiên B1., sinh ngày 16/3/2011 và Lê Hoàng B2., sinh ngày 19/10/2014 cho bà Nguyễn Thị Trúc M. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà M. không yêu cầu ông V. cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Chí V. có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Trúc M. .

Bà Nguyễn Thị Trúc M. phải tạo mọi điều kiện cho ông Lê Chí V. khi đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông Lê Chí V. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Trúc M. có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lê Chí V..

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị Trúc M. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 200.000 đồng bà Nguyễn Thị Trúc M. phải chịu; nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021279 ngày 25/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Trúc M. đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.6;
- CCTHADS Q.6;
- UBND xã A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu